

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH, UBND CẤP XÃ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
1	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập và giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với việc cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập và cấp giấy chứng nhận thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập. - 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với việc giải thể cơ sở trợ giúp xã hội.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
3	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không quy định	- Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí	Căn cứ pháp lý
4	Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ				
1	Thực hiện, điều chỉnh, tạm dừng, thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Nghị định số 109/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Nghị định số 109/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Tên TTHC (Mã thủ tục)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (1.012993)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	- Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH, CẤP XÃ				
1	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội (2.000286)	- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp xã. - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc phạm vi UBND tỉnh quản lý.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Cơ sở trợ giúp xã hội.	Không quy định	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

STT	Tên TTHC (Mã thủ tục)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội (2.000282)	Cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp để chăm sóc, nuôi dưỡng và hoàn thiện các thủ tục theo quy định	UBND cấp xã; Cơ sở trợ giúp xã hội	Không quy định	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; - Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ.
3	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội (2.000477)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Cơ sở trợ giúp xã hội	Không quy định	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; - Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ.
III	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ				
1	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng (1.001776)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
2	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (1.001731)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không quy định	

STT	Tên TTHC (Mã thủ tục)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí	Căn cứ pháp lý
3	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn (2.000355)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Văn bản quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
1	2.000216	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bảo trợ xã hội	Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
2	2.000144	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bảo trợ xã hội	
3	2.000062	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Y tế	Bảo trợ xã hội	
4	2.000135	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Bảo trợ xã hội	
5	2.000056	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Bảo trợ xã hội	
6	2.000051	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Y tế cấp	Bảo trợ xã hội	

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Văn bản quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
7	1.012991	Cấp (mới) giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	Bảo trợ xã hội	Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
8	1.012992	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	Bảo trợ xã hội	
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN			
1	1.001758	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Bảo trợ xã hội	Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
2	1.001753	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Bảo trợ xã hội	
3	2.000744	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	Bảo trợ xã hội	
4	2.000777	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	Bảo trợ xã hội	
5	1.001739	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	Bảo trợ xã hội	

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Văn bản quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
6	1.000684	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Y tế cấp	Bảo trợ xã hội	Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
7	2.000298	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Y tế	Bảo trợ xã hội	
8	2.000294	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế	Bảo trợ xã hội	
9	1.000669	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế	Bảo trợ xã hội	
III	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ			
1	2.000751	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	Bảo trợ xã hội	Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ